

**CHÍNH TRỊ - LUẬT****HIẾN PHÁP MỸ 1787 - TÍNH NHÂN BẢN, NGUYÊN TẮC TAM QUYỀN PHÂN LẬP VÀ KÌM CHẾ ĐỐI TRỌNG**

Võ Trí Hào

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội***1. Tính nhân bản**

Một trong những đóng góp lớn lao của các nhà tư tưởng thời kỳ khai sáng đối với nhân loại là đã chứng minh nguồn gốc quyền lực nhà nước là của dân, do dân, vì dân. Họ đã cắt đứt nguồn gốc thần thánh của quyền lực nhà nước.

Các triết gia tư sản quan niệm nhân dân là người chủ quyền lực thực sự và có chủ quyền tối cao (*people sovereignty*) và nhà nước là kẻ thụ uỷ. Nhưng khi soạn thảo hiến pháp, các triết gia tư sản còn tin vào một quan niệm thứ hai: loài người vốn hay mắc lỗi lầm (*error is human*)<sup>1</sup>, hay nói một cách khác con người không phải lúc nào cũng thông minh và cao thượng mà cũng có lúc ngu xuẩn và tham lam khi hoàn cảnh xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho sự bột phát những tính xấu. Hay nói cách khác, khi soạn thảo hiến pháp, các nhà lập hiến một mặt nhấn mạnh phẩm giá con người và ra sức bảo vệ nó, mặt khác luôn nghi ngờ mặt xấu của con người để tìm cách hạn chế nó. Họ cho rằng sẽ là quá chủ quan, hay không tưởng khi xây dựng hiến pháp chỉ dựa vào tính nhân đạo, nhân văn của con người.

Đó là những tư tưởng của các nhà tư tưởng thời kỳ khai sáng như Vonte,

Montesquieu, Rousseaus, John Locke... và nó để lại dấu ấn trong tất cả các bản hiến pháp của các nước phương Tây. Nhưng so với tất cả các bản hiến pháp đương thời, Hiến pháp Mỹ thể hiện tính nhân bản sâu sắc, mạnh mẽ, rõ nét hơn tất cả vì bối cảnh mười ba tiểu bang chưa có lòng tin đối với nhau, đặc biệt các tiểu bang nhỏ như New Jersey, Connecticut đối với các bang lớn như Virginia, New York, California... So với các Đại hiến chương Magnacata, và các bản hiến pháp làm tiền đề cho Hiến pháp Liên bang Mỹ 1787 như Hiến pháp Connecticut 1638, Hiến pháp Virginia 1776, Hiến pháp Massachusetts 1780, thì Hiến pháp 1787 là sự đúc kết, cô đọng, thể hiện thành công tính nhân bản của các bản hiến pháp trước vì chính những tác giả của các bản hiến pháp Virginia, Massachusetts... như John Adam, Jame Madison, Governor Morris, Alexander Hamilton, John Marshall, Franklin, Washington cùng với nhiều nhân vật kiệt xuất khác đã được gửi đến Hội nghị lập hiến Philadelphia để soạn ra bản hiến pháp này. Họ là những người được đào tạo hoặc ảnh hưởng của nền giáo dục Châu Âu lục địa, những nhà ngoại giao đã từng chứng kiến sự chuyển biến của cách mạng tư sản ở Pháp, Đức, Hà Lan...

hiểu hoàn cảnh nước Mỹ lúc đó qua cuộc chiến tranh giành độc lập của các tiểu bang từ phong kiến Anh.

Tính nhân bản là yếu tố đầu tiên, xuyên suốt và yếu tố cuối cùng của Hiến pháp Mỹ 1787. Có thể chỉ ra thể hiện của nó qua một số điểm như khẳng định trong hiến pháp nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực và phân biệt rõ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp; xây dựng hiến pháp là một bản văn có hiệu lực trực tiếp và có những tổ quyền kèm theo; tập trung giới hạn quyền lực nhà nước theo tinh thần công dân được làm những gì pháp luật không cấm, còn nhà nước chỉ được phép làm những gì luật cho phép; tam quyền phân lập và kiểm chế đối trọng; ghi nhận các quyền cơ bản của con người (bill of rights) - là khoảnh đất mà nhà nước không thể xâm phạm; xây dựng cơ chế bảo vệ quyền của thiểu số trước nguyên tắc số đông; đặt quyền lực quân sự dưới sự kiểm soát của quyền lực dân sự... Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn phân tích nguyên tắc tam quyền phân lập và kiểm chế đối trọng - một yếu tố thể hiện tính nhân bản đậm đặc nhất, trong đó các cơ quan nhà nước kiểm tra, giám sát lẫn nhau, làm cho tính ác của con người không có cơ hội bộc phát.

## **2. Học thuyết tam quyền phân lập và sự vận dụng vào nước Mỹ.**

Các nhà nước tư sản hiện nay đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của học thuyết tam quyền phân lập và lấy đó làm nguyên tắc chủ đạo. Học thuyết tam quyền phân lập được nhà triết học Anh John Locke khởi xướng, và được Montesquieu, Rousseaus... phát triển, làm nổi bật lên. Theo Montesquieu<sup>3</sup>, nhà nước quân chủ luôn luôn gắn với độc tài, và sự độc tài đó

đa phần sản sinh ra sự tàn bạo, các quyền tự nhiên bị chà đạp, con người không còn là con người. Sở dĩ có tình trạng như vậy, vì mỗi quốc gia đều có ba thứ quyền lực: quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp, mà ba quyền lực đó đều nằm trong tay vị vua chuyên chế. Một người vừa đặt ra luật, vừa thi hành luật, vừa xét xử những kẻ vi phạm pháp luật thì luật pháp không còn mà chỉ là ý chí tùy tiện của người đó. Ba quyền lực này phải tách biệt, trao cho ba chủ thể khác nhau.

Như vậy ngay trong học thuyết làm nền tảng cho việc tổ chức bộ máy nhà nước tư sản nói chung, cũng như bộ máy nhà nước Mỹ nói riêng đã luôn có ý nghi ngờ các vị minh quân và tin rằng một người tốt nếu nắm trong tay cả ba quyền lực đó thì cũng dễ dàng sa ngã và trở nên độc tài.

Học thuyết này được xem là đóng góp vĩ đại nhất của Montesquieu, và nước Pháp được xem là quê hương của học thuyết này nhưng nơi thể hiện học thuyết này một cách thành công và sắc nét nhất lại là Hiến pháp Mỹ 1787. Bởi vì người Anh, người Pháp vẫn chưa quên đi ánh hào quang của các đế quốc phong kiến, vẫn chưa quen với những giá trị dân chủ mới khi mà những giá trị phong kiến chưa phai mờ trong đầu óc họ; và tầng lớp tư sản ở đó phải chia sẻ quyền lực với giai cấp phong kiến, tầng lớp quý tộc lúc đó. Còn nước Mỹ là đất nước của những người con yêu chuộng tự do, dũng cảm vượt qua Đại Tây Dương để trốn thoát sự kìm kẹp của giai cấp phong kiến ở Châu Âu lục địa. Họ muốn thoát ly khỏi ảnh hưởng của các quốc gia phong kiến, đặc biệt là nước Anh<sup>4</sup>, không chỉ về kinh tế, chính trị, quân sự mà cả mô hình tổ chức quyền lực nhà nước. Do vậy họ đã tổ chức bộ

máy nhà nước theo mô hình cộng hoà tổng thống, theo đúng nguyên tắc phân quyền của Montesquieu.

Theo Điều 1 khoản 1 Hiến pháp, "Mọi quyền hành lập pháp do bản hiến pháp này chấp thuận, sẽ trao cho một quốc hội của Hợp chủng quốc; gồm một Thượng nghị viện và một Hạ nghị viện". Quyền hành pháp sẽ được trao cho "một vị Tổng thống Hợp chủng quốc Mỹ châu" (Điều 2 khoản 1). Còn quyền tư pháp Hiệp chủng quốc sẽ được trao cho một Toà án tối cao và cho những toà cấp thấp nào mà Quốc hội có thể đôi khi, quyết định và triệu tập. Như vậy nguyên tắc tam quyền phân lập (seperation of power) được hiến pháp ghi nhận bằng một kỹ thuật lập pháp rất rõ ràng.

Nhưng không chỉ dừng lại sự phân chia quyền lực mà Montesquieu đã chỉ ra, các vị cha lập hiến (founding father) của Hiến pháp 1787 còn đi xa hơn, bày tỏ sự nghi ngờ nguy cơ lạm quyền từ bất kỳ nhánh quyền lực nào. Theo họ, chủ quyền nhân dân là thống nhất (people sovereignty), quyền lực nhà nước mà nhân dân trao cho nhà nước qua khế ước xã hội là thống nhất, nhưng nhân dân không trao trọn gói quyền lực đó cho bất cứ một ai, mà trực tiếp trao ba bộ phận quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp cho ba cơ quan khác nhau. *Nó cũng đơn giản như việc chia kẹo, nếu chúng ta đem gói kẹo cho một người để người đó phát lại cho ba người khác, thì đã có sự khúc xạ ý chí từ chúng ta qua người thứ hai đó để đến được ba người còn lại; người phát kẹo đó vì tình riêng, vì thành kiến, vì sở thích, vì lợi ích của chính họ mà bớt một ít phần kẹo của người này sang cho người khác. Điều này dẫn đến, ba nhánh quyền lực còn lại, hay ba người nhận kẹo còn lại sẽ tìm cách lấy lòng*

*người phát kẹo nhiều hơn là lấy lòng nhân dân, là người chủ sở hữu của gói kẹo.* Chính vì những suy nghĩ này, và bảo đảm cho ý chí nhân dân có thể trực tiếp chuyển tải thành ý chí nhà nước, loại bỏ những chủ thể trung gian không cần thiết, làm tăng độ khúc xạ, bóp méo ý chí ban đầu, nên người Mỹ đã thoát ly mô hình Nghị viện bầu ra người đứng đầu hành pháp của Anh, Pháp lúc đó, quy định không chỉ Nghị viện mà Tổng thống đều do nhân dân bầu trực tiếp. Thông qua bầu cử Tổng thống trực tiếp, ý chí nhân dân phản ánh vào quyền lực hành pháp sẽ trực tiếp hơn, trung thực hơn. Và vì cả hai đều do nhân dân bầu trực tiếp thì quyền lực hành pháp mới ngang hàng với quyền lập pháp để có thể kiềm chế bớt sự nóng nảy, bùng bột, cũng như tính lễ mễ của Nghị viện.

Tuy nhiên, nhân dân Mỹ cũng nghi ngờ cả Tổng thống, không đặt niềm tin hoàn toàn vào Tổng thống, điều này thể hiện ở chế độ bầu cử Đại cử tri có một không hai của nước Mỹ. Họ sợ rằng nếu để cho Tổng thống được bầu cử trực tiếp mà không qua một khâu trung gian nào, thì sẽ làm cho ông ta quá tự hào, và lòng tự hào đó có thể dẫn đến ông ta coi thường mọi người, và có khuynh hướng lấn át các quyền lực khác nên đã nghĩ ra một cơ chế bầu cử khá rắc rối. Theo đó các tiểu bang được phân bố một số đại cử tri tương ứng; cử tri trong các hạt bầu cử lựa chọn ra các đại cử tri theo danh sách ứng cử đảng phái; nếu đảng nào nhận được số phiếu bầu cho đại cử tri của mình nhiều nhất thì sẽ giành được toàn bộ số đại cử tri tại bang đó; sau đó ít ngày các đại cử tri sẽ nhóm họp tại Washington để bỏ phiếu bầu ra Tổng thống. Vì các đại cử tri

thường trung thành với đảng phái, nên đại cử tri thuộc đảng phái nào thì sẽ bầu cho ứng cử viên của đảng phái đó. Do vậy chỉ cần xác định được số đại cử tri của các đảng phái, người ta dễ dàng suy ra ứng cử viên của đảng nào sẽ thắng cử, hay nói cách khác dễ dàng suy ra ai là Tổng thống. Như vậy tuy qua hai giai đoạn nhưng lại hoá ra là bầu cử trực tiếp.

Còn riêng nhánh quyền lực tư pháp, nhân dân Mỹ quan niệm chức năng chính của nó không phải là một cơ quan chính trị, mà là một cơ quan chuyên môn, duy trì công lý, mà chuyên môn không phải người bình dân nào cũng hiểu được. Nên việc bổ nhiệm các thẩm phán sẽ do Tổng thống và Nghị viện phối hợp thực hiện. Trong bài luận số 16 công bố trên Tạp chí New York ngày 10/4/1787 của tác giả có bút danh là Brutus, có lẽ là Robert Yates, một đại biểu của New York tại Hội nghị lập hiến đã nêu như sau: *“Thẩm phán và các công chức trong ngành tư pháp lại ở trong hoàn cảnh khác. Chức vụ và bổn phận của họ đòi hỏi thông tin và sự nghiên cứu trong nhiều năm mới đủ năng lực thực hiện được các công việc của họ một cách đúng đắn, phù hợp với lợi ích của nhân dân. Các thẩm phán và các công chức này phải dành hết thời gian cho mọi công việc của chức vụ họ nắm giữ và coi đó như nguồn nuôi sống họ. Sau đó, họ thực sự hành động dưới sự chỉ đạo, giám sát của cấp trên và có thể bị cách chức vì những hành vi sai trái. Họ đảm nhiệm một công đoạn, một chu trình nhất định trong công việc điều hành; trong mọi xã hội, công việc của họ chỉ giới hạn trong một số ít người, bởi vì có rất ít người đủ năng lực và trình độ đảm nhiệm các công việc này<sup>5</sup>...”*

Sự phân quyền này không chỉ đòi hỏi trực tiếp từ nhân dân, mà sự phân quyền này còn phải bảo đảm sự tương đối đồng đều giữa các nhánh quyền lực. Các vị cha lập hiến cho rằng, nếu như trong ba nhánh quyền lực, có một nhánh quyền lực quá lớn mạnh so với các nhánh quyền lực còn lại thì nhân dân gặp phải nguy cơ là nhánh quyền lực đó sẽ bành trướng quyền lực trên thực tế và bắt hai nhánh quyền lực còn lại thần phục, và sẽ chiếm đoạt các phần quyền lực của các nhánh quyền lực đó. Ghép nối các mảnh để nắm giữ trọn vẹn quyền lực nhà nước, lúc đó mục tiêu của tam quyền phân lập không còn nữa, và nhân dân sẽ mất chủ quyền. Nên các nhà lập hiến đã đặc biệt quan tâm đến quyền lực của nhánh tư pháp, bảo đảm nó có sự tương xứng với quyền hành pháp và quyền lập pháp.

Alexander Hamilton (một trong nhà lập hiến trẻ tuổi xuất sắc nhất tham dự hội nghị lập hiến Liên bang Mỹ 1787) cho rằng: cơ quan lập pháp với thẩm quyền phân bổ ngân sách trung ương được coi như nắm “túi tiền thiên hạ”; cơ quan hành pháp có quyền thi hành pháp luật đối với mọi chủ thể được ví như “quyền nắm giữ thanh gươm”<sup>6</sup>. Pháp luật với tư cách là các quy phạm mang tính bắt buộc chung, quyền lực lập pháp và hành pháp ảnh hưởng trực tiếp đến mọi chủ thể trong xã hội. Còn quyền lực của tòa án chỉ giới hạn trong phạm vi thẩm quyền xét xử của mình và chỉ đối với những vụ việc được đưa ra tòa án. Vì vậy, chúng ta không nên quá dấn đo khi trao thêm quyền lực cho tòa án vì chỉ như thế tòa án mới có sức mạnh tương xứng với quyền lực lập pháp, quyền lực hành pháp<sup>7</sup> và có thể hoàn thành được chức năng của mình.

### 3. Kim chế đối trọng

Sự tương xứng về quyền lực giữa ba nhánh không chỉ phòng ngừa nhân dân mất chủ quyền mà còn nhằm bảo đảm thực hiện kim chế đối trọng (check and balance)<sup>8</sup>. Kim chế đối trọng là một sáng tạo hoàn toàn mới của nhà lập hiến Mỹ tại Hội nghị Philadelphia. Montesquieu chỉ mới nói đến tam quyền phân lập mà chưa nói đến kim chế đối trọng, và cũng chưa có một tiền lệ nào trên thế giới. Kim chế đối trọng thể hiện tính nhân bản sâu sắc, một cơ chế bảo vệ chủ quyền nhân dân ngay từ trong bộ máy nhà nước.

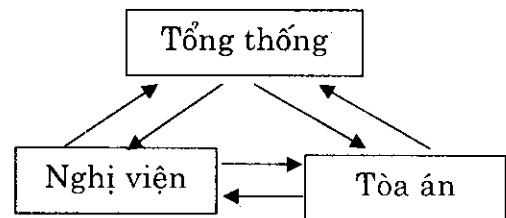
James Madison trong tập Federalist Paper (Luận về Hiến pháp liên bang) đã có những lời bất hủ về tính nhân bản cần phải có của hiến pháp như sau:

*“Bảo đảm lớn nhất chống lại sự tập trung dần dần nhiều quyền lực khác nhau vào cùng một cơ quan, cốt ở chỗ trao cho những người quản lý mỗi cơ quan những phương tiện hiến pháp cần thiết, và động cơ cá nhân chống lại sự xâm lấn của những người khác. Sự bảo vệ được đưa ra trong trường hợp này, cũng như trong mọi trường hợp khác, phải tương xứng với mức độ nguy hiểm của tấn công mà nó phải chống lại. Tham vọng phải được dùng để chống lại tham vọng. Các lợi ích của mỗi người phải gắn liền với các quyền hiến định về vị trí mình đảm nhiệm. Nó phải phản ánh bản chất con người, và những phương tiện đó rất cần thiết để kiểm soát sự lạm quyền của chính quyền. Nhưng chính quyền tự thân nó là gì ngoài sự phản ánh đầy đủ tất cả các phương diện của bản chất con người? Nếu con người là các thiên thần, sẽ không cần chính quyền. Nếu những thiên thần quản lý con người, sẽ không cần sự*

*kiểm soát chính quyền cả bên trong cũng như bên ngoài. Khi xác lập một chính quyền quản lý con người bởi con người điều khó khăn nhất là: trước hết phải làm cho chính quyền có khả năng quản lý dân cư, thứ hai làm cho nó có khả năng kiểm soát chính mình..”<sup>9</sup>*

Nếu như tam quyền phân lập chú ý đến quyền lực nhà nước ở trạng thái tĩnh thì kim chế đối trọng quan tâm quyền lực nhà nước ở trạng thái động. Nó tạo ra sự kiểm tra, giám sát, đối trọng lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước và tất cả đều dựa trên một căn cứ chung: hiến pháp, và có một mục đích chung: lợi ích của nhân dân.

Mô hình này có thể diễn tả dưới dạng lược đồ tam giác quyền lực sau:



Theo đó, cặp quan hệ thứ nhất: hành pháp và lập pháp. Hành pháp tác động đến quyền lực lập pháp thông qua quyền phủ quyết của Tổng thống. Một đạo luật sau khi được hai viện thông qua chỉ có thể trở thành luật nếu được Tổng thống ký ban hành. Nhưng Tổng thống không thể thông qua quyền phủ quyết của mình để làm cho Nghị viện hoàn toàn lệ thuộc, biến mình thành độc tài vì quyền phủ quyết của ông ta chỉ là tương đối (Điều 1 khoản 7 Hiến pháp 1787). Nếu đạo luật bị Tổng thống phủ quyết được Nghị viện xem xét lại và vẫn giữ nguyên nhưng thông qua với tỷ lệ nhất trí từ hai phần ba thì đạo luật đó sẽ có hiệu lực mà không cần sự đồng ý của Tổng thống. Như

vậy Nghị viện cũng không thể dùng nguyên tắc số đông để thông qua những đạo luật nông nổi, thiếu căn cứ; mà Tổng thống cũng không thể cứng nhắc, độc tài. Trên thực tế có sự cân bằng hài hoà trong mối quan hệ này; nó phản ánh trung thực và nhanh nhạy tình hình chính trị và các khuynh hướng, các lợi ích mới trong xã hội. Thường Tổng thống chỉ phủ quyết các đạo luật sau khi thăm dò tình hình nghị trường, và đặc biệt không được đi ngược lòng dân. Vì điều đó sẽ tổn hại đến ông ta trong lần tranh cử tới, và tổn hại đến đảng phái mà ông ta là thành viên trong kỳ bầu cử nghị sĩ gần nhất. Chính vì vậy trong lịch sử nước Mỹ, có hơn 40 lần Tổng thống phủ quyết các đạo luật của Nghị viện và Nghị viện đều không thể đạt được sự nhất trí quá hai phần ba để vượt qua phủ quyết của Tổng thống.<sup>10</sup>

*Chiều ngược lại*, Nghị viện tác động đến hành pháp thông qua quyền ban hành luật của mình, đặc biệt là quyền thông qua ngân sách quốc gia. Tổng thống phải thi hành luật do Nghị viện ban hành ra. Đặc biệt, các chương trình của Tổng thống sẽ phá sản nếu không có sự phê chuẩn ngân sách của Nghị viện. Để tăng thêm sức mạnh của chiều tác động này, Hiến pháp quy định quyền lập pháp là đặc quyền của Nghị viện. Tổng thống và hành pháp không có quyền trực tiếp trình dự luật ra Nghị viện mà chỉ có thể nhấn nhủ, bắn tin qua thông điệp liên bang (green paper) do Tổng thống đọc trước Nghị viện<sup>11</sup>. Mặc dù Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, không chịu trách nhiệm trước Nghị viện như Thủ tướng trong các nước theo hình thức chính thể cộng hoà đại nghị, nhưng điều đó không có nghĩa Tổng thống có thể tùy tiện trong hành xử

quyền lực mà hiến pháp trao cho. Ngoài trách nhiệm pháp luật, Tổng thống phải chịu trách nhiệm chính trị - trách nhiệm bị buộc tội do phạm tội nghiêm trọng (*impeachment*). Đây là một nhân tố trong chiều tác động ngược lại của lập pháp đối với hành pháp. Khi Tổng thống không hoàn thành nhiệm vụ của mình, không dẫn dắt được đất nước hoặc có hành vi sai trái thì Hạ viện sẽ tiến hành luận tội. Nếu Hạ viện nhất trí thông qua Nghị quyết luận tội quá hai phần ba thành viên có mặt thì sẽ chuyển kết quả lên Thượng viện để tiến hành thủ tục kết tội. Nếu từ hai phần ba thành viên có mặt của Thượng viện nhất trí kết tội thì Tổng thống bị kết tội và phải từ chức (Đoạn 6 Khoản 3 Điều 1 Hiến pháp 1787). Trong trường hợp buộc tội không thành thì cũng đủ gây áp lực để Tổng thống điều chỉnh đường lối<sup>12</sup>.

*Cặp thứ hai, hành pháp và tư pháp:* cặp quan hệ này mang ít màu sắc chính trị hơn. Theo đó, Toà án có thể căn cứ vào luật xét xử hành vi vi phạm pháp luật của Tổng thống. Ngược lại Tổng thống với sự nhất trí của Thượng viện có quyền bổ nhiệm các thẩm phán khi có chỗ khuyết (Đoạn 2 Khoản 2 Điều 2); chiều này mang nhiều tính chính trị hơn, các Tổng thống thường bổ nhiệm những người ủng hộ quan điểm của đảng mình.

*Cặp thứ ba, lập pháp và tư pháp:* chiều thứ nhất, lập pháp tác động đến tư pháp thông qua việc Thượng viện phối hợp với Tổng thống bổ nhiệm các thẩm phán toà án tối cao; quyết định mức lương của thẩm phán. Và Nghị viện có thể thành lập các toà án cấp thấp, ví dụ toà án vị thành niên, toà thuế quan... được thành lập trong nửa sau của thế kỷ 20.

*Chiều ngược lại*, chiều mà người Mỹ tự hào là lần đầu tiên đặt mô hình

cho các quốc gia khác về sau, chiều thể hiện triệt để nguyên tắc tam quyền phân lập và kìm chế đối trọng. Theo đó bất kỳ cá nhân, tổ chức nào, trong một vụ việc cụ thể cho rằng quyền hiến định của mình, hoặc một vấn đề trong hiến pháp bị một đạo luật do Nghị viện ban hành xâm phạm đều có quyền đem vụ án ra trước bất kỳ toà án nào. Toà án sau khi xem xét, có quyền kết luận đạo luật đó của Nghị viện sẽ không được áp dụng trong vụ án vì lý do đạo luật bất hợp hiến. Như vậy, tuy toà án không chính thức ra phán quyết huỷ bỏ một đạo luật của Nghị viện, mà chỉ từ chối áp dụng đạo luật của Nghị viện trong một trường hợp cụ thể. Cũng có nghĩa là tất cả các trường hợp tương tự sẽ không áp dụng đạo luật đó của Nghị viện. Bằng cách thức như vậy, toà án sẽ có quyền xem xét lại tính hợp hiến của một đạo luật (Judicial review). Quyền của toà án xem xét lại tính hợp hiến của một đạo luật của Nghị viện (trong bài viết này từ *Judicial review* được dùng để thay thế cụm từ dài này) được nêu ra, tranh luận và được thừa nhận tại Hội nghị lập hiến Philadelphia và đặc biệt được nêu rõ trong tập *Federalist Paper* (Luận về hiến pháp liên bang).

\*

\*      \*

Tại cuộc thảo luận ngày 21/7/1787 của Hội nghị lập hiến Philadelphia các đại biểu đã đưa ra quan điểm về sự cần thiết phải trao quyền Judicial review cho toà án như sau<sup>13</sup>:

- Ngài Wilson: đề nghị “nhánh tư pháp quốc gia cùng với bộ máy hành pháp giữ quyền phủ quyết”. Bộ máy tư pháp cần có cơ hội khuyến can và ngăn chặn sự tiếm quyền của dân chúng cũng như của Quốc hội. Các thẩm phán là những người giải thích

hiến pháp sẽ có tác dụng bảo vệ hiến pháp này... Luật pháp có thể không công bằng, có thể không khôn ngoan, có thể nguy hiểm, có thể mang tính phá hoại nên sẽ không khôn ngoan nếu không trao cho các thẩm phán quyền phủ quyết.

- Ngài Ellsworth: tán thành quan điểm của ngài Wilson. Các thẩm phán có kiến thức hệ thống và chính xác về luật pháp mà Tổng thống không thể có được. Luật pháp quốc gia thường xuyên bị nghi ngờ và chất vấn, và chỉ các thẩm phán mới có được các thông tin và kiến thức đầy đủ nhất về vấn đề này.

- Ngài Madison: coi vấn đề này là đặc biệt quan trọng đối với quá trình xây dựng Hiến pháp. Sẽ có ích nếu trao thêm cho nhánh tư pháp quyền tự vệ chống lại sự lạm quyền của cơ quan lập pháp. Điều này cũng có ích cho nhánh hành pháp vì cơ quan này sẽ có thêm niềm tin và sự vững chắc trong việc thi hành quyền phủ quyết. Cơ quan lập pháp cũng có lợi nhờ sự trợ giúp có giá trị đó, quy định này sẽ duy trì được sự kiên định, tính chính xác, sự minh bạch cho các đạo luật, chống lại những ý muốn và hành động bất thường trong các đạo luật của nền cộng hoà. Điều này cũng có ích cho toàn thể cộng đồng vì đó là biện pháp kiểm tra cần thiết chống lại những đạo luật bất công và xấu xa hiện gây rất nhiều tai họa cho chúng ta...

- Ngài Gouverneur Morris: ...Chúng ta không thể theo mô hình nước Anh, mô hình mà theo đó các thẩm phán không có quyền phủ quyết độc lập mà chỉ tư vấn phủ quyết cho hành pháp. Vì bộ máy hành pháp Anh có những lợi ích và đặc quyền rất lớn và có những biện pháp rất mạnh để tự vệ. Còn lợi ích của bộ máy hành pháp chúng ta nhỏ bé và tạm thời với

những biện pháp tự vệ rất yếu, nên sợ rằng Tổng thống sẽ không có đủ uy quyền và sức mạnh chống lại sự lạm quyền đó mà sự vững chắc và sức mạnh của bộ máy tư pháp cũng không đủ để thay thế những thiếu hụt đó. Tự do của dân chúng sẽ nguy hiểm bởi sự tiếm quyền của cơ quan lập pháp hơn bởi những nhánh quyền lực khác. ... Nếu các đạo luật tốt được ban hành thì không cần sự kiểm soát, nhưng nếu các đạo luật xấu được ban hành thì cần sự kiểm soát mạnh và đó là trường hợp này. Việc ban hành tiền giấy làm dân chúng hoan hỉ vì nó làm giảm đi các khoản nợ nần (tương tự như lần đổi tiền ở Việt Nam vào 1985 - ND) nên được dân chúng tán thành, nhưng quy định đó cần phải được ngăn chặn.

- Ngài Madison: việc trao quyền phủ quyết và kiểm soát cơ quan lập pháp cho các thẩm phán không vi phạm các nguyên tắc phân quyền. Ngược lại, ông cho rằng đó là sự cản trở bổ sung theo đúng nguyên tắc này. Nếu sự phán xét sáng suốt hợp hiến của mọi nhánh chính quyền trên lý thuyết là đủ an toàn để chống lại sự lạm quyền của nhánh khác thì không cần những sự đề phòng tiếp theo. Nhưng thực tế dạy chúng ta không nên tin tưởng vào sự bảo vệ đó mà phải tạo ra sự cân bằng giữa các quyền lực và các lợi ích. Và điều đó cũng chỉ là sự đảm bảo trên lý thuyết. **Do đó, ngoài việc áp dụng lý thuyết mỗi nhánh chính quyền cần tách biệt thì cũng cần phải bổ sung thêm sự kiểm soát khác nữa để duy trì lý thuyết ấy trên thực tế.**

\* \*

\*

Các điều khoản về quyền lực tư pháp liên bang được thảo luận từ giữa tháng 6/1787, nhưng sau này do

những biến động nên Hội nghị lại đưa ra và thảo luận lại. Thoạt đầu những người chủ chốt của hội nghị như Madison, Đại tá Mason, Governour Morris, James Wilson, những người được coi là khôn ngoan và thông thái nhất không thuyết phục được các đại biểu chấp nhận cho phép các thẩm phán có quyền phủ quyết các đạo luật. Nhưng khi bản thảo Hiến pháp lần 1 được đưa ra thì các đại biểu lại quay lại nhất trí trao quyền phủ quyết.

Sau khi Hiến pháp được thông qua, trong Federalist Paper<sup>14</sup> các tác giả tiếp tục phân tích về quyền này của toà án. Đặc biệt, trong bài số 78, Hamilton đã nêu: *"Sự độc lập hoàn toàn của toà công lý là đặc biệt cần thiết trong giới hạn Hiến pháp. Theo giới hạn Hiến pháp, tôi hiểu một điều rằng nó chứa đựng những ngoại lệ nhất định đối với thẩm quyền lập pháp; chẳng hạn, nó không được ban hành luật tước đoạt quyền sở hữu và tước quyền công dân, đạo luật có hiệu lực hồi tố, và những điều tương tự. Những giới hạn thuộc loại này chỉ có thể được bảo vệ, duy trì trên thực tế thông qua không bằng con đường nào khác ngoài các toà công lý, toà mà bản phân của mình là tuyên bố tất cả các đạo luật trái với những mục tiêu, ý chí được thể hiện trong Hiến pháp là vô hiệu. Nếu không có phương thức này của toà án, tất cả những sự bảo tồn các quyền, đặc quyền sẽ là vô nghĩa.*

*Liệu có phải những quyền cho phép các toà án tuyên bố một đạo luật của cơ quan lập pháp là vô hiệu, do nó trái với Hiến pháp, có hàm chỉ rằng quyền lực tư pháp đứng trên quyền lực lập pháp? Phải chăng thẩm quyền tuyên bố một hành vi của người khác là vô hiệu phải cao hơn thẩm quyền của người có hành vi bị tuyên bố vô hiệu? Hoàn toàn không phải như vậy,*



*mà phải xuất phát ở chỗ mọi hành vi của người có thẩm quyền được uỷ nhiệm trái với ý định, mục đích của nhiệm vụ mà theo đó thẩm quyền được thực hiện sẽ vô hiệu. Do vậy, không có một hành vi nào của cơ quan lập pháp, trái với Hiến pháp, lại có thể có hiệu lực. Nếu ta phủ nhận điều này, là ta đang khẳng định rằng, cấp phó quan trọng hơn cấp trưởng, đây tớ cao hơn chủ; rằng những người đại diện của nhân dân cao hơn chính nhân dân. ...Cho nên chúng ta không thể khẳng định, quyền lực tư pháp cao hơn quyền lực lập pháp và ngược lại, mà chỉ có thể coi quyền lực của nhân dân là cao hơn cả hai; và bất kỳ khi nào ý chí của cơ quan lập pháp, được tuyên bố trong các đạo luật của nó, trái với ý chí của nhân dân được thể hiện trong Hiến pháp, thì các thẩm phán phải phán xử rằng Hiến pháp có hiệu lực cao hơn các đạo luật đó. Họ phải phán xử dựa trên luật cơ bản thay vì dựa vào cái không phải là luật cơ bản.*

Mặc dù quyền Judicial review đã được các đại biểu thống nhất trong Hội nghị lập hiến, được phân tích và tái khẳng định trong văn bản vô cùng quan trọng đối với khoa học luật hiến pháp Mỹ - Federalist Paper như chúng tôi đã tóm lược ở trên. Nhưng những lời văn cô đọng của Hiến pháp không trực tiếp quy định quyền này mà chỉ hàm chỉ qua các từ: "Hiến pháp trao toàn bộ quyền lực tư pháp của Hợp chúng quốc vào Toà án tối cao, và các toà án cấp thấp mà Nghị viện có thể thành lập thông qua các đạo luật (Khoản 1 Điều 3 Hiến pháp). Quyền lực này được mở rộng đối với tất cả các vụ án phát sinh theo luật pháp của Hợp chúng quốc (Khoản 2 Điều 3 Hiến pháp). Đoạn sau của Hiến pháp còn nêu rõ "Trong tất cả

các vụ kiện liên can tới các đại sứ, các lãnh sự, sứ thần và trong các vụ án mà một tiểu bang là một phe dự phần, Toà án tối cao sẽ có quyền xét xử sơ thẩm. Trong tất cả các vụ án khác, Toà tối cao sẽ có quyền phúc thẩm..."

Kim chế đối trọng là một yếu tố nhân bản xét về khía cạnh triết học nhân sinh, là một nghệ thuật cai trị xét dưới góc độ chính trị học và khoa học quản lý, và các nhà lập hiến Mỹ đã triệt để khai thác khi xây dựng các định chế nhà nước. Nó không chỉ thể hiện qua mối quan hệ cơ bản: lập pháp - hành pháp - tư pháp, mà còn áp dụng cho các mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước và các định chế chính trị nói chung. Madison có lần nêu lên "cơ quan cần kiểm tra cơ quan" và được Hamilton nhận xét thêm rằng "Hội đồng dân chủ cần được kiểm soát bởi Thượng viện dân chủ và cả hai viện này cần được kiểm soát bởi hành pháp dân chủ tối cao". Xin nêu ra hai mối quan hệ mà các nhà lập hiến đã trù liệu cho tương lai.

*Quan hệ giữa các Viện của cơ quan lập pháp:*

Việc xây dựng cơ quan lập pháp hai viện ở Mỹ lúc đó là hệ quả trực tiếp của biện pháp thoả hiệp chính trị giữa các tiểu bang lớn và các tiểu bang nhỏ. Các bang lớn như New York, Virginia, Pennsylvania... muốn các đại biểu của cơ quan lập pháp phải được chọn dựa trên tỷ lệ dân số và tỷ lệ đóng thuế; còn các tiểu bang nhỏ như New Jersey, Rhode Island... muốn sự bình đẳng với các tiểu bang khác trong cơ quan lập pháp. Kết quả là Hạ viện được lập ra với các đại biểu được bầu chọn theo tỷ lệ dân cư nhằm thoả mãn đòi hỏi của các bang lớn; Thượng viện được lập ra gồm các đại biểu được chọn từ các tiểu bang, mỗi bang được chọn hai đại biểu; hai viện

này có quyền phủ quyết đối với nhau. Đây là cuộc thương lượng cam go nhất của Hội nghị lập hiến Philadelphia, hội nghị có lúc tưởng chừng đổ vỡ vì lý do này, vì sự nghi kỵ của các bang nhỏ đối với các bang lớn; vì sự nghi kỵ rằng các tiểu bang sẽ mất hết quyền khi một liên bang mạnh mẽ được thiết lập để thay thế chế độ hợp bang lúc đó<sup>15</sup>. Thế nhưng các nhà thương thuyết đã vượt qua thử thách này bằng cách thuyết phục tính hợp lý của mô hình hai viện này dựa vào cơ chế kim chế đối trọng giữa hai viện; và kim chế đối trọng cũng là yếu tố làm cho mô hình này thành công, làm khuôn mẫu cho Nghị viện của các nước phương Tây sau đó và hoạt động hoàn hảo cho đến ngày nay.

Hạ viện với phương thức bầu cử trực tiếp từ nhân dân, và với số lượng đại biểu đông đảo, tỏ ra gần gũi với dân chúng hơn, và được gọi là viện bình dân. Hạ nghị sĩ được bầu với nhiệm kỳ hai năm, so với nhiệm kỳ sáu năm của Thượng nghị sĩ. Thượng nghị sĩ nhìn chung có nhiều mối quan hệ và quyền lực trong thực tế hơn. Do vậy Hạ nghị viện phải cân bằng quyền lực bởi số lượng đại biểu nhiều hơn. Hạ nghị viện với thành phần thành viên như vậy và với nhiệm kỳ ngắn hơn sẽ có ưu điểm phản ứng nhanh nhạy hơn với các khuynh hướng, lợi ích mới phát sinh trong xã hội, hay nói cách khác là đưa hơi thở của cuộc sống vào cơ quan lập pháp để cân bằng với tính kinh viện của Thượng viện. Với thành phần như vậy, Hạ viện thường tỏ ra nóng nảy, nông nổi do vậy Thượng viện là nơi cân bằng, kim chế sự nông nổi này của Hạ viện<sup>16</sup>. *Có một giai thoại kể rằng, sau khi Hội nghị lập hiến kết thúc, khi Thomas Jefferson từ Pháp trở về, trong một bữa ăn tối đã hỏi*

*Washington là tại sao ông bằng lòng có một viện thứ hai trong cơ quan lập pháp, tức là Thượng viện. Khi đó thấy Jefferson đang rót cà phê từ chiếc tách vào đĩa, Washington liền hỏi "Thế tại sao Ngài lại đổ cà phê vào đĩa như vậy?"; Jefferson trả lời "Để làm cho cà phê nguội đi". Washington trả lời "Điều đó cũng giống như việc chúng ta đổ cơ quan lập pháp ấy vào chiếc đĩa Thượng viện để nó nguội bớt đi."*<sup>17</sup>

Quan hệ giữa Thượng viện và Hạ viện còn được xem là sự cân bằng, đối trọng của hai khuynh hướng lợi ích: "Và nhờ Hạ viện, nhánh quyền lực mang tính dân chủ, chúng ta sẽ bảo vệ được quyền tự do; với nhánh Thượng viện chúng ta sẽ bảo vệ được tài sản". Sự kim chế đối trọng không chỉ đơn thuần dừng lại ở quyền phủ quyết của viện này đối với viện kia. Xuất phát từ tính đại diện, cách thức bầu cử, nhiệm kỳ của hai viện khác nhau, thành viên hai viện cũng khác nhau do vậy cần trao cho mỗi viện những chức năng đặc thù, riêng biệt. Hạ viện được bầu theo tỷ lệ dân cư, gồm những người đóng thuế, do vậy, dự luật về ngân sách, tài chính, thuế chỉ có thể xuất phát từ Hạ viện, hay nói cách khác chỉ có Hạ viện mới có sáng quyền lập pháp về vấn đề này. Còn Thượng viện gồm những người nhiều tuổi hơn, có học vấn cao hơn, có kinh nghiệm chính trị, điềm tĩnh hơn nên sẽ rất thích hợp khi trao cho Thượng viện quyền cùng với Tổng thống, xem xét, đàm phán, ký kết, phủ quyết các điều ước quốc tế cũng như việc bổ nhiệm các đại sứ, các bộ trưởng, các thẩm phán. Hạ viện thể hiện trực tiếp hơn sự bức xúc của nhân dân sẽ thích hợp cho việc luận tội, còn Thượng viện với sự uyên bác và hiểu biết hơn về pháp luật sẽ thích hợp hơn cho việc kết tội; sự kim chế

đôi trọng này mới đủ bảo đảm an toàn cho Tổng thống trước áp lực của dân chủ theo nguyên tắc “số đông”, là rào chắn an toàn cho Tổng thống trước áp lực của Nghị viện để có thể hoàn thành nhiệm vụ trong tình huống liên quan bí mật quốc gia hoặc theo đuổi lợi ích lâu dài của toàn thể quốc gia thay vì lợi ích riêng của một nhóm số đông. Hạ viện với nhiệm kỳ hai năm, sẽ thích hợp với việc bảo vệ các lợi ích ngắn hạn, những bức xúc trước mắt; Thượng viện với nhiệm kỳ 6 năm sẽ thích hợp hơn để theo đuổi những lợi ích dài hạn của quốc gia, không để cho các lợi ích ngắn hạn phá huỷ các lợi ích lâu dài của quốc gia.

*Quan hệ cân bằng đôi trọng giữa các nhóm lợi ích, các bè phái, các đảng phái khác nhau:*

Xuất phát từ tính nhân bản của con người, xuất phát từ bản tính sinh học của con người không giống nhau về năng lực, sở thích, xuất phát từ bản tính xã hội của con người sẽ có niềm tin, lợi ích không giống nhau do vậy Madison trong Federalist paper (bài luận thứ 10) đã viết “Tôi hiểu rằng có một số công dân... được liên kết lại và thúc đẩy bởi những đam mê chung, lợi ích chung, trái ngược với các quyền của các công dân khác, hoặc trái ngược với các lợi ích lâu dài, lợi ích toàn thể của cộng đồng (Ví dụ: Hiệp hội những người hút thuốc lá)”. Những đam mê hoặc các lợi ích đó có thể nguy hiểm cho các quyền của những người khác có thể là tôn giáo, chính trị, nhưng phổ biến nhất là lợi ích kinh tế. Các bè phái có thể vạch ra một đường kéo dài giữa cái có và cái không có, giữa chủ nợ và con nợ, hoặc giữa các loại tài sản mà từng nhóm người sở hữu. Madison viết tiếp “Lợi ích của chủ đất, lợi ích của nhà sản xuất, lợi ích của thương nhân, lợi ích

của giới tài chính và rất nhiều các lợi ích bé hơn, sẽ nảy sinh, lớn lên, lan rộng trong các dân tộc văn minh (tức các dân tộc không còn ở trạng thái nguyên thủy, xã hội không còn đồng nhất như xã hội thị tộc - ND) và sẽ tự phân chia thành các giai cấp, tầng lớp khác nhau, được thúc đẩy bởi những tình cảm và quan điểm khác nhau.” Các nhóm lợi ích, các bè phái này có thể nguy hiểm cho chính quyền dân chủ (tức chính quyền trái ngược với chính quyền quân chủ, cha truyền con nối). Nên Madison chủ trương phải “phá vỡ và kiểm soát sự lộng hành của bè phái”. Nhưng không thể đặt các đam mê hay các lợi ích tự thân ra ngoài vòng pháp luật, nên một mô hình chính quyền thích hợp phải có khả năng ngăn chặn bất kỳ bè phái nào, không phân biệt là đa số, hay thiểu số, đối với việc họ áp đặt ý chí của mình đối với lợi ích toàn thể. Vì vậy Madison chủ trương dùng lợi ích cân bằng lợi ích, dùng bè phái cân bằng bè phái, dùng hiệp hội cân bằng hiệp hội. Hiến pháp đã không ghi nhận các biện pháp cân bằng cụ thể mà chỉ tạo điều kiện cho những mối quan hệ kìm chế đôi trọng này được thiết lập thông qua quyền tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng, tự do lập hội, tự do về quan điểm...

Và chính những mối quan hệ cân bằng, đôi trọng giữa các định chế chính trị này giúp cho sự cân bằng, đôi trọng giữa các cơ quan nhà nước được thực thi trên thực tế. Sự kiểm tra lẫn nhau giữa Nghị viện, Tổng thống, Tòa án sẽ trở nên vô nghĩa nếu họ đều từ một nhóm người có lợi ích, quan điểm hoàn toàn giống nhau. Sự tiên tri tài năng của Madison<sup>18</sup> đã được thể hiện trên thực tế là nếu Đảng cộng hoà giành được ghế Tổng thống (bầu cử Tổng thống bốn năm

một lần, bầu cử Hạ viện hàng năm, bầu cử Thượng viện hai năm một lần) thì thường trong cuộc bầu cử Nghị viện sau đó, Đảng dân chủ sẽ giành quyền kiểm soát Nghị viện. Nếu một đảng thắng đậm trong bầu cử Thượng viện, thì đảng còn lại sẽ giành ưu thế trong bầu cử Hạ viện sắp tới. Và thường Đảng cộng hoà nắm ghế Tổng thống 8 năm, và sau đó Đảng dân chủ lại thay thế. Thỉnh thoảng, có một đảng có thể vừa giành được ghế Tổng thống vừa kiểm soát được Nghị viện<sup>19</sup>, lúc này sự cân bằng, đối trọng tạm thời bị giảm; mô hình chính thể cộng hoà Tổng thống bị biến dạng thành mô hình cộng hoà đại nghị. Nhưng không lâu sau đó sự cân bằng, đối trọng lại được tái thiết lập.

Tam quyền phân lập và kim chế đối trọng là nguyên tắc xuyên suốt trong Hiến pháp 1787. Nhưng chúng ta cần phân biệt giữa việc đóng móng sắt, dây cương cho con ngựa và việc trói con ngựa lại. Liệu nguyên tắc này có gây cản trở hay hạn chế gì trong thực tiễn nước Mỹ?

Câu trả lời là có. Cũng giống như cái bánh lái của con thuyền, như sợi cánh của tàu bay, như cái phanh của xe đạp. Có thêm những bộ phận này sẽ làm tăng chi phí sản xuất, bảo dưỡng, làm tăng ma sát khi chuyển động. Nhưng chúng ta tưởng tượng sự việc sẽ tồi tệ như thế nào nếu tàu bay không cánh, xe đạp không phanh. Tuy công kênh, nhưng hệ thống cân bằng, đối trọng này tuy có làm cho cỗ xe chuyển động chậm một chút nhưng bảo đảm đúng hướng. Nếu lúc nào cỗ máy này chuyển động trái ngược với lợi ích của nhân dân thì các phanh hãm sẽ phát huy hết tác dụng, giảm tốc độ chuyển động và đưa cỗ máy trở về trạng thái cân bằng ■

### Chú thích:

1. Điều này cũng tìm thấy trong tư tưởng triết học của Phương Đông và quan niệm ăn, mặc, ở của Các Mác.
2. Montesquieu, *Tinh thần pháp luật* (Bản dịch của Thanh Đạm), NXB Giáo Dục 1996, tr 101.
3. Nước Anh lúc đó theo mô hình chính thể cộng hoà Nghị viện, tức nhân dân bầu ra Nghị viện, Nghị viện bầu ra Thủ tướng, Thủ tướng phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện.
4. Trích theo, Nguyễn Cảnh Bình, *Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào*, NXB Thế giới 2003, tr 179.
5. Alexander Hamilton, Federalist paper No. 78, New York 1787.
6. Vì không chỉ hành vi của công dân mà hành vi sai trái của các cơ quan nhà nước cũng đáng bị xét xử bởi toà án.
7. Một số học giả Việt Nam nhầm lẫn tam quyền phân lập và kim chế đối trọng là một vì thấy nó như sấm và chớp.
8. Federalist No. 51, in *The Federalist* 349 (J.Cooke ed. 1961).
9. Điều này còn bởi hệ thống chính trị lưỡng đảng của Mỹ.
10. Chúng ta có thể thấy điều này qua việc Tổng thống George W. Bush đọc thông điệp đề nghị Nghị viện thông qua khoản ngân sách 40 tỷ USD để xây dựng lại Trung tâm thương mại sau vụ đánh bom 11/9/2001 và ngay lập tức nhận được sự ủng hộ của Nghị viện.
11. Về buộc tội, có thể xem vụ Watergate điển hình áp dụng đối với Tổng thống Nixon và gần đây vụ Monicagate đối với Tổng thống Clinton.
12. Nguyễn Cảnh Bình, sdd, tr 435.
13. Federalist Papers là một loạt 85 bài do Hamilton, Madison, John Jay khởi xướng, viết trên tạp chí New York bình luận và phân tích các điều khoản của Hiến pháp, nhằm kêu gọi nhân dân các tiểu bang phê chuẩn Hiến pháp.
14. Xem mục Thỏa hiệp lớn, Nguyễn Cảnh Bình, sdd, tr 35
15. Chính Thượng viện Mỹ đã chặn lại sự cực đoan, nông nổi của một nhóm Hạ nghị sĩ Mỹ trong hai dự luật, một về nhân quyền, một về chi tiêu đối ngoại bất lợi cho Việt Nam trong năm 2001 và 2003.
16. Nguyễn Cảnh Bình, sdd, tr 40.
17. Tại thời điểm Madison viết Federalist Papers thì hai Đảng Cộng hoà và Dân chủ chưa ra đời. Khoảng 20 năm sau đó, Đảng Dân chủ được ra đời gồm tập hợp những người ủng hộ Tổng thống Jefferson.
18. Như Đảng Cộng hoà vào hồi tháng 11/2002.